TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 84/2024/QĐST-HNGĐ	*Trà Ôn, ngày 13 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 81/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Ngọc T1,** sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp K, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Tạm trú: ấp L, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh **Đào Văn S**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp K, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Ngọc T1 và anh Đào Văn S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Nguyễn Ngọc T1 và anh Đào Văn S có 02 con chung tên Đào Phú Q, sinh ngày 20/9/2005 và Đào Anh T2, sinh ngày 03/4/2009 hiện đang sống chung với chị T1. Cháu Đào Phú Q, sinh ngày 20/9/2005 hiện đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không xem xét việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng; Giao cháu Đào Anh T2, sinh ngày 03/4/2009 cho chị Nguyễn Ngọc

T1 tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, anh Đào Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Ngọc T1 và anh Đào Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc T1 tự nguyện nộp toàn bộ số tiền 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị T1 đã nộp theo Biên lai thu số 0011115 ngày 01/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, còn lại 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) trả lại cho chị T1.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- UBND xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Theo GCNKH số 27 ngày 18/5/2005);
- Lưu hồ sơ vụ án.

.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga